BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THANH PHƯƠNG

VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYÊN**

Phản biện 1: **TS. PHẠM HOÀI HƯƠNG**

Phản biện 2: **TS. LÊ XUÂN LÃM**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 06 tháng 10 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Báo cáo tài chính là kết quả của công tác kế toán ở các doanh nghiệp, là nguồn thông tin quan trọng về tình hình tài chính doanh nghiệp, cần thiết cho các quyết định kinh tế của nhiều đối tượng sử dụng thông tin có liên quan khác nhau. Do đó, mức độ trung thực và hợp lý của thông tin trên báo cáo tài chính luôn là vấn đề được các doanh nghiệp chú trọng.

Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường là một doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng. Mặc dù, công ty hoạt động đã lâu, nhưng việc vận dụng các chính sách kế toán còn theo thói quen của nhân viên kế toán và chưa có sự hợp lý để đạt các mục tiêu quản trị lợi nhuận của Ban quản trị Công ty cũng như chưa tuân thủ đúng các quy định kế toán. Ý thức được tầm quan trọng và bức thiết của vấn đề này, tác giả đã chọn đề tài ***"Vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường"*** để làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Luận văn tìm hiểu và đánh giá thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường. Từ đó, luận văn đề ra các giải pháp hoàn thiện việc vận dụng chính sách kế toán cho phù hợp với các yêu cầu quản lý và đặc thù hoạt động tại Công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn tìm hiểu nghiên cứu về thực trạng vận dụng chính sách kế toán, mục tiêu của nhà quản trị, đặc điểm quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường trong giai đoạn 2013 - 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu việc vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện, luận văn sử dụng phương pháp phỏng vấn, so sánh, quan sát và tổng hợp đối chiếu.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn được chia thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về chính sách kế toán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường.

Chương 3: Hoàn thiện vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, một số tài liệu có liên quan được sử dụng để phục vụ nghiên cứu của đề tài như sau:

- TS. Trần Đình Khôi Nguyên (2012), *"Chính sách kế toán trong doanh nghiệp", Tạp chí phát triển kinh tế*, số 260, tr.41-46. Tác giả đề cập đến cơ sở lý thuyết và đề xuất khung cơ sở xây dựng chính sách kế toán ở doanh nghiệp Việt Nam.

- Mai Thị Hạnh (2013), *"Xây dựng chính sách kế toán tại Chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt Úc tại Đà Nẵng", Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng*. Tác giả đã nghiên cứu thực trạng chính sách kế toán tại Chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt Úc tại Đà Nẵng với

hoạt động kinh doanh sản xuất, thương mại, thi công nội thất nhà. Từ đó, tác giả đề xuất xây dựng một số chính sách kế toán tại công ty.

- Ngô Lê Phương Thúy (2012), *"Nghiên cứu việc vận dụng chính sách kế toán tại công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng", Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng*. Tác giả đi sâu nghiên cứu việc vận dụng các chính sách kế toán tại công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế.

- Lê Thị Chi (2012), *"Hoàn thiện chính sách kế toán tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Phú Yên", Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng*. Tác giả nghiên cứu việc vận dụng các chính sách kế toán cụ thể tại Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Phú Yên với hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu và hạt điều.

- Nguyễn Thị Kim Oanh (2012), *"Đánh giá sự vận dụng các chính sách kế toán tại Công ty cổ phần lương thực và dịch vụ Quảng Nam", Luận văn Thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng*. Với đặc điểm hoạt động kinh doanh thương mại lương thực, thực phẩm của Công ty. Thông qua phần thực trạng của Công ty, tác giả đã nêu các giải pháp hoàn thiện để đáp ứng mục tiêu về thuế của Công ty.

Qua tham khảo, một số vấn đề nghiên cứu của các đề tài luận văn trên chưa làm được, đó là:

- Ở phần cơ sở lý luận, các đề tài chưa nghiên cứu đến các lý thuyết liên quan đến xây dựng và lựa chọn các chính sách kế toán được công bố ở quốc tế và các nhân tố có ảnh hưởng đến vận dụng chính sách kế toán đó là mục tiêu tiền lương, tiền thưởng của nhà quản trị; quy mô doanh nghiệp và cấu trúc vốn.

- Ở phần giải pháp hoàn thiện:

+ Đối với chính sách khấu hao tài sản cố định hữu hình, các đề tài chưa nghiên cứu hướng đến tổng quát xây dựng thời gian khấu hao cho từng loại tài sản cụ thể.

+ Đối với chính sách kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng, đề tài của Ngô Lê Phương Thúy (2012) chưa nghiên cứu sâu cụ thể về phương pháp ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch, cũng như đề tài chưa phân tích ưu, nhược điểm của phương pháp này.

+ Đối với chính sách kế toán chi phí trả trước, đề tài của Ngô Lê Phương Thúy (2012) đưa ra giải pháp thời gian phân bổ công cụ dụng cụ xuất dùng tối đa 2 năm là không phù hợp với quy định kế toán.

Như vậy, đối với các đề tài luận văn trên đây nghiên cứu về chính sách kế toán tại mỗi công ty cụ thể. Hiện chưa có một đề tài về vận dụng chính sách kế toán được nghiên cứu tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

1.1.1. Khái niệm chính sách kế toán

Trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót thì thuật ngữ "Chính sách kế toán" được hiểu là các nguyên tắc, cơ sở và phương pháp kế toán cụ thể được doanh nghiệp áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.1.2. Vai trò của chính sách kế toán

- *Đối với các đối tượng bên trong doanh nghiệp*:

+ Đối với kế toán viên

+ Đối với nhà quản trị

- *Đối với các đối tượng ngoài doanh nghiệp*:

+ Đối với cơ quan thuế, tổ chức kiểm toán độc lập

+ Đối với nhà đầu tư, ngân hàng, các tổ chức tín dụng

1.2. CÁC LÝ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG VÀ LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

1.2.1. Lý thuyết đại diện (Agency theory)

Lý thuyết đại diện được phát triển bởi Jensen và Meckling trong một công bố năm 1976. Lý thuyết này nghiên cứu mối quan hệ giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Quan hệ nhà quản lý và cổ đông: Các giải pháp để giảm chi phí ủy quyền là thông qua hợp đồng giữa các cổ đông và nhà quản lý theo hướng khuyến khích nhà quản lý tối đa hóa giá trị thị trường của công ty và tối đa hóa lợi nhuận công ty. Phần lớn các kế hoạch khen thưởng này dựa trên các con số kế toán, do đó nhà quản lý sẽ tìm cách tác động vào báo cáo tài chính thông qua vận dụng chính sách kế toán để đạt được mục đích được hưởng lợi cá nhân của mình.

- Quan hệ cổ đông và chủ nợ: Để giảm chi phí ủy quyền, chủ nợ có thể đưa vào hợp đồng các điều khoản hạn chế như: kiểm soát việc chia cổ tức, kiểm soát hoạt động đầu tư, yêu cầu thông tin để giám sát tình hình hoạt động doanh nghiệp. Việc sử dụng các điều khoản hạn chế nói trên phải dựa trên số liệu kế toán của doanh nghiệp Do đó, các nhà quản lý sẽ tìm cách vận dụng chính sách kế toán khi lập báo cáo tài chính có lợi nhất cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp gần đến tình trạng vi phạm hợp đồng vay.

1.2.2. Lý thuyết bất cân xứng thông tin (Asymetric information)

Lý thuyết bất cân xứng thông tin lần đầu tiên xuất hiện vào những năm 1970 bởi George Akerlo. Ngoài ra, trong một nghiên cứu của Myers và Majluf vào năm 1984, đã chỉ ra rằng việc bất cân xứng thông tin ảnh hưởng lên quyết định đầu tư và tài trợ của doanh nghiệp. Theo đó, so với các nhà đầu tư bên ngoài, các nhà quản lý thường có thông tin đầy đủ hơn về tình hình hoạt động hiện tại và triển vọng tương lai của doanh nghiệp. Vì vậy, nhà quản lý có thể xây dựng các chính sách kế toán theo hướng làm tăng lợi nhuận để tăng giá cổ phiếu, trong khi thực sự kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không như vậy.

1.2.3. Lý thuyết chi phí chính trị (Political cost)

Chi phí chính trị được đề cập trong một công bố về lý thuyết kế toán thực chứng của Watts và Zimmerman vào năm 1986. Trong tác phẩm này, Watts và Zimmerman xây dựng giả thuyết chi phí chính trị. Chi phí chính trị là chi phí mà doanh nghiệp phải chịu thông qua một hành vi mang tính chính trị từ tác động bên ngoài (Nhà nước, nghiệp đoàn hay các nhóm cộng đồng). Những chi phí chính trị trên ảnh hưởng đến lợi nhuận doanh nghiệp, điều này dẫn đến khả năng nhà quản lý hạn chế chi phí chính trị bằng cách lựa chọn chính sách kế toán

1.3. MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

1.3.1. Mục tiêu quản trị lợi nhuận

- *Tiền lương, tiền thưởng dành cho nhà quản trị*: Nghiên cứu của EI-Habashy (2004) cho thấy nhà quản lý có "kế hoạch lương thưởng" từ công ty sẽ thích thông qua chính sách kế toán làm tăng thu

nhập hơn so với nhà quản lý không có "kế hoạch lương thưởng" từ công ty.

- *Vì lợi ích của chủ sở hữu*: Nghiên cứu của Ilia D. Dichev et al (2013) khảo sát 169 giám đốc tài chính của các công ty đại chúng niêm yết trên thị trường Mỹ, kết quả lý do ảnh hưởng đến giá cổ phiếu công ty là đứng đầu trong các lý do dẫn đến hành vi quản trị lợi nhuận.

- *Tối thiểu chi phí thuế*: Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Thảo (2011) các công ty niêm yết Việt Nam có xu hướng điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế năm 2008 nhằm mục tiêu tiết kiệm thuế thu nhập doanh nghiệp trong trường hợp thuế suất năm 2008 là 28% giảm xuống còn 25% từ năm 2009.

1.3.2. Cấu trúc vốn doanh nghiệp

Nghiên cứu của Duncan (1992), cho kết quả nợ vay có quan hệ tích cực đến lựa chọn phương pháp kế toán trong chiến lược thu nhập của doanh nghiệp. Một nghiên cứu của Astamin và Tower (2006) cũng cho thấy tình hình các doanh nghiệp có nợ vay thấp có mối quan hệ tích cực với việc tăng thu nhập bằng kỹ thuật kế toán.

Trong khi đó, các nghiên cứu của Danutė Zinkevičienė và Kristina Rudžionienė (2005); Waweru et al (2011) chỉ ra rằng không có mối quan hệ giữa việc sử dụng nợ vay của doanh nghiệp với lựa chọn các phương pháp kế toán.

1.3.3. Quy mô doanh nghiệp

Cũng nghiên cứu của Duncan (1992), cho kết quả quy mô doanh nghiệp có quan hệ tiêu cực đến lựa chọn phương pháp kế toán trong chiến lược thu nhập của doanh nghiệp. Trong khi đó, nghiên cứu của V. Gopalakrishnan (1994) thấy có mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và lựa chọn phương pháp kế toán, đặc biệt tại các công

ty nhỏ ưa thích sử dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho nhập trước xuất trước và khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng.

Tuy nhiên, theo EI-Habashy (2004); Astamin và Tower (2006) cho kết quả không có mối quan hệ giữa quy mô doanh nghiệp và lựa chọn chính sách kế toán để làm giảm thu nhập.

1.3.4. Trình độ kế toán

1.4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.4.1. Chính sách kế toán hàng tồn kho

- *Nguyên tắc đo lường hàng tồn kho*

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Lựa chọn phương pháp kế toán*

- *Hệ thống quản lý tồn kho*: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho*: phương pháp tính theo giá đích danh; phương pháp bình quân gia quyền; phương pháp nhập trước xuất trước; phương pháp nhập sau xuất trước

- *Xây dựng ước tính kế toán*

- *Xác định giá trị sản phẩm dở dang*: Trong phạm vi của đề tài liên quan đến lĩnh vực xây lắp, nên việc xác định giá trị sản phẩm dở dang là việc xác định chi phí của khối lượng xây lắp chưa hoàn thành.

- *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

1.4.2. Chính sách kế toán tài sản cố định

- *Nguyên tắc ghi nhận và đo lường*

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định (TSCĐ) phải thỏa

mãn đồng thời tất cả bốn tiêu chuẩn ghi nhận sau: chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy; thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm; có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá.

- *Lựa chọn phương pháp khấu hao tài sản cố định*

Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng một trong ba phương pháp khấu hao TSCĐ như sau: phương pháp khấu hao đường thẳng; phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần; phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

- *Xây dựng ước tính kế toán*

- Thời gian khấu hao TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ

1.4.3. Chính sách kế toán về doanh thu

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng có quy định:

- *Nguyên tắc ghi nhận*

- Trường hợp HĐXD quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

- Trường hợp HĐXD quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện.

- *Lựa chọn phương pháp xác định phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng xây dựng*

Tuỳ thuộc vào bản chất của hợp đồng xây dựng, các phương pháp đó có thể là: tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng; đánh giá phần công việc đã hoàn thành; tỷ lệ phần

trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

1.4.4. Chính sách kế toán về chi phí

a. Giá vốn trong doanh nghiệp

Nguyên tắc ghi nhận: Giá vốn được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp. Để xác định giá vốn của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao, thanh toán thì trước tiên phải tính giá thành công việc liên quan đến khối lượng hoàn thành được thanh toán. Việc tính giá thành là tập hợp tất cả chi phí phát sinh: nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung.

b. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

c. Chi phí trả trước

- *Nguyên tắc ghi nhận*

Những khoản chi thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến việc tạo ra lợi ích kinh tế của nhiều kỳ kế toán và để đảm bảo nguyên tắc phù hợp thì những chi phí này được ghi nhận là chi phí đang chờ phân bổ dần vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán liên quan.

- *Xây dựng ước tính kế toán*

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra do doanh nghiệp tự ước tính.

d. Chi phí phải trả

e. Chi phí dự phòng phải trả

- *Nguyên tắc ghi nhận và xây dựng ước tính kế toán*

Các khoản dự phòng phải trả bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; Dự phòng phải trả tái cơ cấu doanh nghiệp; Dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn, Dự phòng phải trả khác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn đã giới thiệu tổng quan về chính sách kế toán. Theo đó, một vài chuẩn mực kế toán Việt Nam cho phép doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng các phương pháp kế toán trong khuôn khổ chuẩn mực; cũng như doanh nghiệp được ước tính kế toán đối với một số nghiệp vụ kinh tế. Điều này làm cho nhà quản trị có thể thông qua vận dụng chính sách kế toán để thực hiện quản trị lợi nhuận theo mục tiêu của doanh nghiệp. Qua nội dung chương 1 là nền tảng cơ sở lý luận để tác giả nghiên cứu cho các chương sau của luận văn.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Vạn Tường là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ tư lệnh quân khu 5 - Bộ quốc phòng, được thành lập theo quyết định số 480/QĐ-QP ngày 17 tháng 04 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Quân khu 5.

2.1.2. Chiến lược kinh doanh và mục tiêu quản trị của Công ty

Để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh cũng như gia tăng nguồn vốn của chủ sở hữu, hàng năm Lãnh đạo Quân khu 5 giao kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh vào đầu năm cho Công ty thực hiện,

với mức tăng trưởng hàng năm về doanh thu và lợi nhuận từ 5% đến 10% so với năm trước (**Bảng 2.1)**. Do đó, mục tiêu đạt được các kế hoạch chỉ tiêu tài chính năm như tăng doanh thu, tăng lợi nhuận … được nhà quản trị Công ty đặt lên hàng đầu.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty

a. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện qua **Sơ đồ 2.1**

b. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, đơn vị

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

a. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy kế toán của Công ty được thể hiện qua **Sơ đồ 2.2**

b. Chức năng, nhiệm vụ từng phần hành

c. Chế độ kế toán và hình thức sổ kế toán

2.2. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

2.2.1. Chính sách kế toán hàng tồn kho

a. Đặc điểm hàng tồn kho ở Công ty

Nhằm tận dụng, khai thác nguồn tài nguyên của nguyên vật liệu sẵn có của địa phương nơi công trình thi công và tiết kiệm chi phí vận chuyển, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua vật tư của nhà cung cấp tại địa phương gần công trình thi công và xuất thẳng giao cho Ban chỉ huy công trường quản lý.

b. Vận dụng chính sách kế toán hàng tồn kho

- ***Nguyên tắc đo lường hàng tồn kho***

Qua khảo sát chứng từ thực tế tại Công ty, hàng tồn kho mua vào được xác định theo giá gốc. Phiếu nhập kho thể hiện như **Bảng 2.2**.

Nhận xét: Qua việc tính giá trị ban đầu của hàng tồn kho, thể hiện Công ty đã tuân thủ đúng nguyên tắc giá gốc cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - Hàng tồn kho.

- ***Lựa chọn phương pháp kế toán hàng tồn kho***

Công ty áp dụng hệ thống quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Để tính giá xuất kho của hàng tồn kho thì Công ty lựa chọn áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối quý cho tất cả các loại vật tư.

Nhận xét:

- Việc lựa chọn phương pháp tính giá bình quân cuối quý là phù hợp khi kế toán Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vẫn còn làm thủ công thì phương pháp này tỏ ra hiệu quả với cách tính toán đơn giản, tiết kiệm thời gian.

- Tuy nhiên, trong nhiều năm gần lại đây, giá vật tư trong ngành xây lắp thường có xu hướng biến động tăng do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới như giá xăng dầu thay đổi thì chi phí cước vận chuyển tăng, chi phí sản xuất vật tư tăng...

- ***Các ước tính kế toán***

Cách xác định giá trị dở dang của khối lượng xây lắp chưa hoàn thành tại Công ty, cụ thể như sau:

- Cuối quý, nếu trong kỳ Công ty có xác định khối lượng nghiệm thu bàn giao từng giai đoạn, hạng mục công việc của công trình cho chủ đầu tư và doanh thu được ghi nhận cho khối lượng nghiệm thu đó thì Công ty tiến hành đánh giá khối lượng xây lắp dở dang giai đoạn, hạng mục công trình chưa hoàn thành. Giá trị khối

lượng xây lắp dở dang được tính toán dựa trên đơn giá dự toán của khối lượng dở dang quy định trong hợp đồng.

Nhận xét: Nhiều khả năng nhà quản trị Công ty với mục tiêu là tăng lợi nhuận, Công ty đánh giá cao khối lượng dở dang để giá thành (giá vốn) thấp do việc đánh giá phụ thuộc vào bộ phận kỹ thuật Công ty mà không có sự xác nhận về khối lượng của chủ đầu tư. Ngoài ra, cách tính giá trị dở dang bằng việc lấy khối lượng dở dang nhân với đơn giá dự toán tương ứng trong Hợp đồng là chưa phù hợp.

2.2.2. Chính sách kế toán tài sản cố định

a. Đặc điểm tài sản cố định ở Công ty

Nhìn chung, tài sản cố định tại Công ty gồm nhiều chủng loại, phân bố rộng khắp ở các công trình thi công, có giá trị lớn. Mặt khác, đa số đặc điểm các tài sản trong ngành xây lắp là không mang tính chất công nghệ cao.

b. Vận dụng chính sách kế toán tài sản cố định

- ***Nguyên tắc ghi nhận và đo lường tài sản cố định***

Nhận xét: Công ty đã tuân thủ đúng nguyên tắc giá gốc cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn hiện hành về tài sản cố định trong việc ghi nhận và đo lường.

- ***Lựa chọn phương pháp khấu hao tài sản cố định***

Công ty lựa chọn khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản.

Nhận xét:

- Tại Công ty chưa ban hành chính sách nội bộ về khấu hao TSCĐ cụ thể trong từng nhóm tài sản để nhằm đáp ứng mục tiêu tăng lợi nhuận của nhà quản trị.

- ***Các ước tính kế toán***

Hiện tại, Công ty chưa lập kế hoạch sửa chữa TSCĐ theo hàng năm, khi nào phát sinh thực tế chi phí sửa chữa thì sẽ tính vào chi phí trong kỳ nếu giá trị nhỏ hoặc phân bổ dần chi phí vào các kỳ sau nếu giá trị lớn với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nhận xét: Căn cứ vào Thông tư 45/2013/TT-BTC, cho thấy Công ty đã tuân thủ đúng thời gian phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định.

2.2.3. Chính sách kế toán về doanh thu

a. Đặc điểm hợp đồng xây dựng ở Công ty

- **Các loại Hợp đồng xây dựng**
- **Đặc điểm tiến độ thanh toán quy định trong Hợp đồng xây dựng**

- Tạm ứng
- Thanh toán định kỳ
- Thanh toán đợt cuối

Từ đặc điểm của Hợp đồng xây dựng được ký kết, cho thấy quy định thanh toán khối lượng xây lắp ở Công ty được tiến hành theo phương thức "giá trị khối lượng thực hiện".

b. Vận dụng chính sách kế toán về doanh thu

- **Xác định phần công việc hoàn thành của hợp đồng**

Nhận xét: Việc tính giá trị phần công việc hoàn thành của hợp đồng có sự xác nhận của chủ đầu tư đã thể hiện kết quả thực hiện và giá trị phần công việc hoàn thành của hợp đồng tại Công ty là đáng tin cậy.

• **Ghi nhận doanh thu:**

Nhận xét: Kế toán Công ty ghi nhận doanh thu theo cơ sở dồn tích tại thời điểm chủ đầu tư ký xác nhận trên phiếu giá thanh toán, biên bản nghiệm thu… và trên cơ sở theo hóa đơn Công ty đã phát hành, chứ không phải theo cơ sở tiền.

2.2.4. Chính sách kế toán về chi phí

a. Giá vốn trong doanh nghiệp

a1. Thời điểm xác định giá vốn

- Là vào thời điểm mà Công ty ghi nhận doanh thu cho các Hợp đồng trọn gói đã hoàn thành nghiệm thu toàn bộ, bàn giao cho chủ đầu tư.

- Là vào cuối Quý khi Công ty đã ghi nhận doanh thu ở trong quý của các Hợp đồng đơn giá điều chỉnh cho khối lượng công việc hoàn thành theo từng giai đoạn được chủ đầu tư đồng ý nghiệm thu, thanh toán.

a2. Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá vốn

Do Công ty lựa chọn hình thức thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện nên giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận đối với từng hợp đồng, hạng mục công trình riêng biệt đã hoàn thành nghiệm thu trong kỳ và tương ứng với doanh thu từng hợp đồng, hạng mục công trình trong kỳ đã được ghi nhận.

Để xác định giá vốn thì Công ty thực hiện công tác tính giá thành.

b. Chi phí trả trước

• ***Nguyên tắc ghi nhận***

Nhận xét: Kế toán Công ty hạch toán các khoản chi phí trả

trước vào tài khoản chi phí trả trước (TK 142, TK 242) là tuân thủ đúng quy định của Chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

• ***Các ước tính kế toán***

Nhận xét: Công ty xác định thời gian phân bổ tối đa cho công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn theo quy định thuế hiện hành là không đúng với Chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

c. Chi phí dự phòng phải trả

Hiện tại Công ty chưa tiến hành trích trước chi phí bảo hành sản phẩm xây lắp đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư và Công ty có cam kết bảo hành

Nhận xét: Việc cuối năm tài chính hoặc cuối mỗi quý, Công ty không trích lập chi phí dự phòng bảo hành xây lắp đối với các công trình, hạng mục công trình đã bàn giao và có cam kết bảo hành là không đúng với Chế độ kế toán hiện hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

2.2.5. Chính sách liên quan công bố thông tin

Theo quan sát của tác giả, trên Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty **(Phụ lục 04)**, các thông tin về chính sách kế toán áp dụng tại Công ty còn trình bày chung chung chưa nêu chi tiết, cụ thể để người sử dụng thông tin không am hiểu về kế toán có thể nắm được.

Nhận xét: Như vậy, Công ty công bố chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin cho các đối tượng có liên quan. Nguyên nhân một phần là do kế toán Công ty còn hạn chế về trình độ hiểu biết kế toán cũng như muốn đơn giản hóa công việc kế toán.

Tóm lại: Qua phần trình bày thực trạng vận dụng các chính sách kế toán tại Công ty Vạn Tường, có thể tổng kết các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng các chính sách kế toán tại Công ty được thể hiện ở **Bảng 2.9**

2.3. ĐÁNH GIÁ VIỆC VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

2.3.1. Ưu điểm

- Là một Công ty hoạt động ở lĩnh vực xây lắp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, với đội ngũ kế toán dày dạn kinh nghiệm, am hiểu nhiều quy định chính sách kiến thức về kế toán và thuế đã hạch toán nhanh chóng kịp thời các nghiệp vụ phát sinh đáp ứng nhu cầu đơn vị. Bộ phận kế toán thường xuyên tham mưu cho Ban quản trị về các vấn đề tài chính, đảm bảo mục tiêu của nhà quản trị.

- Chính sách liên quan đến hàng tồn kho được áp dụng khá phù hợp với đặc thù Công ty, vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí và thời gian kế toán.

- Công ty vận dụng Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng để ghi nhận doanh thu trường hợp thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chỉ ghi nhận khi doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh, quyết toán được chủ đầu tư xác nhận.

- Nhìn chung, việc vận dụng chính sách kế toán tại Công ty đáp ứng được các mục tiêu của nhà quản trị và đúng quy định pháp luật Nhà nước như linh hoạt chọn thời gian phân bổ công cụ dụng có giá trị xuất dùng lớn và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo đúng quy định kế toán, thuế …

2.3.2. Nhược điểm

- Vật liệu xây dựng trong thời gian nhiều năm gần lại đây luôn có chiều hướng biến động tăng, do đó tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền sẽ không đáp ứng được mục tiêu quản trị lợi nhuận.

- Công ty đánh giá khối lượng dở dang khi không có sự xác nhận khối lượng của chủ đầu tư, cũng như phương pháp tính chưa khoa học, hợp lý.

- Công ty chưa ban hành cụ thể chính sách trích khấu hao TSCĐ của riêng đơn vị để nhất quán trong công tác kế toán.

- Các công trình của Hợp đồng trọn gói dù trải qua hai niên độ kế toán nhưng công ty không quy định điểm dừng kỹ thuật để ghi nhận doanh thu và giá vốn.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ theo quy định thuế là không đúng với quy định kế toán. Công ty cũng chưa thực hiện trích trước chi phí bảo hành công trình. Thuyết minh báo cáo tài chính công bố các chính sách kế toán áp dụng trình bày còn chung chung, đơn giản.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này qua tìm hiểu thực tế tại Công ty, tác giả đã khái quát được tình hình tổ chức, đặc điểm hoạt động kinh doanh. Cũng như phản ánh thực trạng vận dụng chính sách kế toán. Qua quá trình nghiên cứu thực trạng, luận văn cũng chỉ ra những mặt ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong công tác vận dụng chính sách kế toán tại Công ty. Điều này là cơ sở để tác giả đưa ra các giải pháp hoàn thiện vận dụng chính sách kế toán tại Công ty trong chương 3.

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG HOÀN THIỆN VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

- Phải tuân thủ các nội dung quy định trong Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành

- Phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động quản lý của Công ty

- Nâng cao chất lượng thông tin trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG

3.2.1. Chính sách kế toán hàng tồn kho

a. Thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho

Công ty nên thay đổi áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối quý sang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước. Việc Công ty áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước để tính giá trị hàng tồn kho có những ưu điểm sau: phù hợp với đặc điểm quản lý công trường thi công của Công ty; phù hợp với điều kiện ứng dụng sử dụng phần mềm kế toán tại Công ty; đáp ứng được mục tiêu giảm giá thành, tăng lợi nhuận của nhà quản trị so với khi áp dụng phương pháp cũ là bình quân gia quyền cuối quý thể hiện ở **Bảng 3.2**

b. Thay đổi phương pháp xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ

Do đặc điểm tại Công ty, kế toán chưa tổ chức công tác kế toán để theo dõi chi tiết chi phí phát sinh cho giai đoạn khối lượng công việc hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư. Chính vì vậy, để đảm bảo thông tin giá thành (giá vốn) được xác định một cách hợp lý, Công ty cần thực hiện phân bổ chi phí SXKD phát sinh trong cả quý của công trình cho giai đoạn công việc hoàn thành được nghiệm thu và giai đoạn công việc còn dở dang chưa được nghiệm thu.

3.2.2. Chính sách kế toán tài sản cố định

Xây dựng chính sách nội bộ về khấu hao tài sản cố định

Công ty chưa ban hành chính sách khấu hao TSCĐ cụ thể trong từng nhóm tài sản. Từ đó, theo tác giả, bộ phận kế toán cần phối hợp với bộ phận vật tư thiết bị để xây dựng và ban hành chính sách nội bộ Công ty về quản lý, trích khấu hao TSCĐ nhằm phù hợp với đặc điểm tài sản của Công ty và mục tiêu của nhà quản trị trên cơ sở tuân thủ đúng quy định Thông tư 45/2013/TT-BTC.

3.2.3. Chính sách kế toán về doanh thu

Áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng theo tiến độ kế hoạch

Hiện tại, Công ty chỉ áp dụng một phương pháp ghi nhận doanh thu xây lắp là theo giá trị khối lượng thực hiện cho toàn bộ Hợp đồng xây dựng. Tuy nhiên, trong thời gian đến khi đảm nhận thầu và ký kết Hợp đồng xây dựng các công trình thi công mới, Công ty nên áp dụng cả phương pháp ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch cho các Hợp đồng xây dựng, đặc biệt là các Hợp đồng xây dựng hình thức trọn gói. Việc Công ty áp dụng phương pháp ghi nhận

doanh thu theo tiến độ kế hoạch cho các Hợp đồng xây dựng trọn gói có những ưu điểm sau: phù hợp với thực trạng các HĐXD trọn gói hiện nay tại Công ty; đảm bảo Công ty tuân thủ đúng nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ; góp phần giúp Công ty đạt được mục tiêu quản trị là tăng doanh thu, tăng lợi nhuận trong kỳ báo cáo thể hiện ở **Bảng 3.4**

3.2.4. Chính sách kế toán về chi phí

a. Chi phí trả trước

Phân bổ công cụ dụng cụ sử dụng cho nhiều kỳ

Công ty thực hiện phân bổ theo quy định thuế tối đa là không quá 2 năm. Tuy nhiên, theo Chế độ kế toán Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Công ty cần phải ước tính thời gian phân bổ theo thời gian dự kiến sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ. Cách thức phân bổ công cụ dụng cụ được thực hiện như sau:

$$\text{Chi phí CCDC phân bổ cho một kỳ kế toán (Quý)} = \frac{\text{Giá trị CCDC được ghi nhận}}{\text{Thời gian dự kiến sử dụng (Quý)}}$$

b. Chi phí dự phòng phải trả

Trích lập chi phí dự phòng bảo hành công trình xây lắp hoàn thành

Hiện nay, các chi phí liên quan đến bảo hành công trình, khi nào phát sinh chi phí sửa chữa, bảo dưỡng công trình thì Công ty mới hạch toán vào chi phí trong kỳ phát sinh, Công ty chưa thực hiện trích lập chi phí dự phòng bảo hành công trình xây lắp hoàn thành. Theo Chế độ kế toán Quyết định 15/2006/QĐ-BTC việc trích trước được thực hiện vào cuối năm tài chính hoặc cuối mỗi quý, mức trích cụ thể như sau:

Mức trích trước dự phòng chi phí bảo hành	=	Tỷ lệ (%) bảo hành	x	Giá trị hợp đồng (Giá trị chủ đầu tư nghiệm thu trong kỳ)

3.2.5. Chính sách liên quan công bố thông tin

Công ty công bố các chính sách kế toán áp dụng trên thuyết minh báo cáo tài chính đang ở mức độ thông tin ngắn gọn, súc tích. Căn cứ vào số liệu nghiên cứu ở phần thực trạng tại Công ty, tác giả lập lại một số chỉ tiêu ở mục IV "Các chính sách kế toán áp dụng" trong thuyết minh báo cáo tài chính Công ty năm 2013 như sau:

- Chỉ tiêu (2) - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
- Chỉ tiêu (3) - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ
- Chỉ tiêu (7) - Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước
- Chỉ tiêu (11) - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu thực tế về công tác vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường ở chương 2. Trong chương này, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này tại Công ty dựa trên cơ sở lý thuyết của chương 1 và nghiên cứu thực trạng tại chương 2.

KẾT LUẬN

Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế ngày càng mở rộng, môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường là đơn vị xây lắp có quy mô lớn, đơn vị tiêu biểu của Bộ tư lệnh Quân khu 5, đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời việc sản xuất kinh doanh phải hiệu quả mang lại lợi nhuận cao và phù hợp với các quy định Nhà nước.

Sau khi nghiên cứu thực hiện đề tài: ***"Vận dụng chính sách kế toán tại Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường"***, luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn như sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về chính sách kế toán. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để các doanh nghiệp triển khai áp dụng trong thực tế. Đồng thời, luận văn đã trình bày tổng quát các lý thuyết và các nghiên cứu của quốc tế về các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chính sách kế toán, là tiền đề cho các đề tài về sau nghiên cứu thực chứng các nhân tố này tại Việt Nam.

- Nêu lên thực trạng về vận dụng chính sách kế toán tại Công ty nghiên cứu. Từ đó chỉ ra những ưu điểm và những tồn tại còn hạn chế trong công tác vận dụng chính sách kế toán tại Công ty.

- Trên cơ sở những mặt còn hạn chế, luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện phù hợp với mục tiêu nhà quản lý, đặc điểm Công ty và tuân thủ quy định pháp luật kế toán.

Hy vọng rằng, với các giải pháp đưa ra của luận văn sẽ được áp dụng tại Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động kinh doanh xây lắp tại đơn vị.